

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST  
Ngày 23 - 9 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hữu Thái

Ông Nguyễn Văn Thụ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Tiến Trung - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HS ngày 13/9/2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990 tại **thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Nơi cư trú: **Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C** và bà **Phạm Thị P**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến nay; bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

2. **Cao Xuân S**, sinh năm 1993 tại **thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Nơi cư trú: **Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Cao Xuân S1** và bà **Bùi Thị H**; có vợ là **Đồng Thị N** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2023 đến nay; bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; có mặt

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 05/6/2023, tại đường liên xã thuộc thôn D, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; lực lượng Cảnh sát phòng chống ma túy Công an huyện L bắt quả tang Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 khẩu trang màu trắng được buộc kín, bên trong có 02 túi nilon màu trắng được hàn kín, trong 02 túi nilon đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy thu giữ tại nền đường, ở vị trí bắt quả tang Nguyễn Văn T, được niêm phong vào trong phong bì thư ký hiệu “QT1”. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen số IMEI 353814085573266, được niêm phong vào trong phong bì thư ký hiệu “QT2”; 01 xe mô tô biển kiểm soát 34AB- 019.78 và số tiền 50.000 đồng.

Cùng ngày 05/6/2023, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định đối với chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Tại bản Kết luận giám định số 1059A/KL-KTHS ngày 12/6/2023, Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

Trong 01 phong bì có ký hiệu “QT1” đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nilon màu trắng được hàn kín, được đựng trong 01 khẩu trang màu trắng đều là ma túy, có tổng khối lượng 3,412 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra vụ án Nguyễn Văn T khai: Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 05/6/2023, Nguyễn Văn T nhận được cuộc gọi điện thoại từ tài khoản Facebook có tên “Vũ Đông” nhờ T mua ma túy để sử dụng, T đồng ý. Một lúc sau Đ đi xe máy đến điểm hẹn đưa cho T số tiền 300.000 đồng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Cao Xuân S gọi điện cho T qua tài khoản Facebook có tên “Sang A” nhờ T đi mua hộ ma túy để sử dụng, T đồng ý. Sau đó S đi xe máy đến điểm hẹn gặp T, cả hai chở nhau đi đến khu vực thuộc địa phận thôn Q, xã C, huyện L thì đỗ lại gần quán nước; T bảo S chờ ở đó, còn T đi chuộc xe mô tô mà T cầm ở gần đó từ trước. Một lúc sau T chuộc được xe mô tô đi ra gặp S, lúc này S đưa cho T số tiền 300.000 đồng nhờ T đi mua hộ ma túy để sử dụng. T cầm tiền và bảo S đợi ở đó, còn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34AB-019.78 mà T vừa chuộc được đi tìm mua ma túy. Do trước đó T được bạn bè xã hội cung cấp số điện thoại của người bán ma túy, T gọi điện cho người đó hỏi mua 600.000 đồng tiền ma túy đá, người đó đồng ý. T đi đến điểm hẹn ở đoạn đường gần Cầu C thuộc địa phận thôn D, xã V, huyện L. Tại đây, T gặp một người đàn ông đứng cạnh một chiếc xe ô tô màu đen, T không nhớ biển số xe, T đưa cho người đàn ông đó số tiền 600.000 đồng và nhận từ người đó 01 chiếc khẩu trang màu trắng gấp



lại, bên trong có 02 túi nilon đựng ma túy. T cầm chiếc khẩu trang đựng ma túy ở tay trái rồi điều khiển xe mô quay về, đi được một đoạn thì bị lực lượng Công an kiểm tra, T sợ hãi nên vứt chiếc khẩu trang đựng ma túy xuống dưới nền đường thì bị phát hiện, thu giữ vật chứng; lực lượng Công an đưa T về trụ sở Công an xã V, huyện L lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Sau khi biết Nguyễn Văn T bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 06/6/2023 Cao Văn S2 đến Công an huyện L đầu thú, khai báo về hành vi nhờ T đi mua hộ ma túy để sử dụng, lời khai của S2 phù hợp với lời khai của T. Sang giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng gold, số IMEI 355751072631780 được niêm phong vào trong phong bì thư ký hiệu “ĐT”.

Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ người có tài khoản Facebook tên “Vũ Đ1” là Vũ Văn Đ2, sinh năm 1994, cư trú tại khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Kết quả xác minh xác định Đ2 không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm Vũ Văn Đ2 nhưng chưa có tin tức gì; Cơ quan điều tra đã kết luận tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Văn T, do T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đó, không nhớ số điện thoại đã liên lạc với người đó nên Cơ quan điều tra đã kết luận không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 11 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Cao Xuân S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, miễn phạt bổ sung. Xử phạt bị cáo Cao Xuân S từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, miễn phạt bổ sung;

+ Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì thư ký hiệu “QT1” để tiêu hủy. Tịch thu của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, tịch thu của Cao Xuân S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng gold để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại Nguyễn Văn T số tiền 50.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

+ Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Cao Xuân S** đều trình bày: Các bị cáo nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa; các bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt mức án thấp nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Cao Xuân S** đều thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/6/2023, bị cáo **Nguyễn Văn T** đi xe mô tô đến đoạn đường gần **Cầu C** thuộc địa phận **thôn D, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Tại đây, **T** đã dùng số tiền 600.000 đồng mua ma túy của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ; **T** cầm số ma túy mua được quay về, trên đường về thì bị phát hiện bắt quả tang. Số ma túy thu giữ của **Nguyễn Văn T** được cơ quan giám định kết luận có tổng khối lượng 3,412 gam, loại Methamphetamine; trong đó bị cáo **Cao Xuân S** đã nhờ **T** mua hộ 300.000 đồng tiền ma túy. Như vậy, bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ được; bị cáo **Cao Xuân S** phải chịu trách nhiệm hình sự bằng 50% khối lượng ma túy thu giữ của **T**, tức  $3,412 \text{ gam} \times 50\% = 1,706 \text{ gam}$ , loại Methamphetamine (tương ứng với số tiền **S** nhờ **T** mua ma túy hộ). Các bị cáo mua ma túy với mục đích đem về để sử dụng.

[3] Hành vi trên của các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Cao Xuân S** là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất gây nghiện, làm mất an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào khối lượng chất ma túy thu giữ được, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố các bị cáo



**Nguyễn Văn T**, **Cao Xuân S** về tội danh trên theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy ma túy là chất gây nghiện rất nguy hiểm, người nghiện ma túy sẽ bị tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe; khi lên cơn nghiện, người nghiện ma túy không làm chủ được hành vi, có thể gây nguy hiểm cho người khác và xã hội; người sử dụng ma túy còn nguy hiểm đến tính mạng của bản thân, có nguy cơ lây lan căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS; tệ nạn ma túy còn là mầm mống phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Nhà nước ta và cả cộng đồng thế giới đều tuyên truyền rộng rãi về tác hại của chất ma túy, thế nhưng các bị cáo không tiếp thu mà dần thân vào con đường nghiện ngập dẫn đến phạm tội. Chứng tỏ các bị cáo rất coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của chính bản thân các bị cáo; căn cứ tính chất của hành vi phạm tội, cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta.

[5] Xem xét vai trò của các bị cáo và các tình tiết để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Cao Xuân S** cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng trước khi phạm tội các bị cáo không có sự chuẩn bị, câu kết chặt chẽ hoặc bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, chỉ là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo **Nguyễn Văn T** là người đi mua ma túy, trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo **Cao Xuân S** chỉ gửi tiền mua ma túy, không trực tiếp thực hiện các hành vi trên, khối lượng ma túy mà **S** phải chịu trách nhiệm chỉ bằng 50% so với **T**. Vì vậy, xác định vai trò của bị cáo **T** cao hơn so với bị cáo **S**.

Về nhân thân và tình tiết trắng nặng: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy nhưng đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Văn T** có bố đẻ được tặng thưởng các Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Bị cáo **Cao Xuân S** phục vụ trong Quân đội từ tháng 9/2012 đến tháng 1/2014, bị cáo không bị bắt quả tang nhưng đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào vai trò của các bị cáo và khối lượng chất ma túy mà mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng. Hình phạt giành cho bị cáo **Nguyễn Văn T** ở mức trung bình của khung hình phạt, hình

phạt giành cho bị cáo **Cao Xuân S** thấp hơn so với bị cáo **T** là phù hợp với tính chất, mức độ của tội phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, nghề nghiệp không ổn định, phạm tội không có mục đích thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử miễn phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

Chất ma túy là loại chất gây nghiện bị pháp luật cấm tàng trữ, sử dụng, lưu hành; cần phải tịch thu toàn bộ khối lượng chất ma túy còn lại và vỏ bao gói mẫu sau giám định để tiêu hủy.

**Nguyễn Văn T** và **Cao Xuân S** đã sử dụng điện thoại di động liên lạc với nhau nhằm thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải tịch thu 02 chiếc điện thoại thu giữ của **T** và **S** để sung vào công quỹ Nhà nước.

Số tiền 50.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Văn T** không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho **T**, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

Khi bắt quả tang **Nguyễn Văn T** có thu giữ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34AB- 019.78. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản của ông **Nguyễn Văn C** (bố đẻ **T**), Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô trên cho ông **C** nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

1.1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/6/2023).

1.2. Xử phạt bị cáo **Cao Xuân S** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 06/6/2023).

2- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:



- Tịch thu toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định, vỏ bao gói mẫu sau giám định, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “QT1” để tiêu hủy.

- Tịch thu của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; tịch thu của Cao Xuân S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng gold để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại Nguyễn Văn T số tiền 50.000 đ (Năm mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

Những vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

**3-** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Cao Xuân S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- Bị cáo, đương sự
- VKSND huyện Lục Nam
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- TAND tỉnh Bắc Giang
- CQCSĐT Công an huyện Lục Nam
- Chi cục THADS huyện Lục Nam
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang
- UBND P Hoàng Tân, TP Chí Linh
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Thái**